

CTCP Kinh doanh LPG Việt Nam (HNX: PVG)

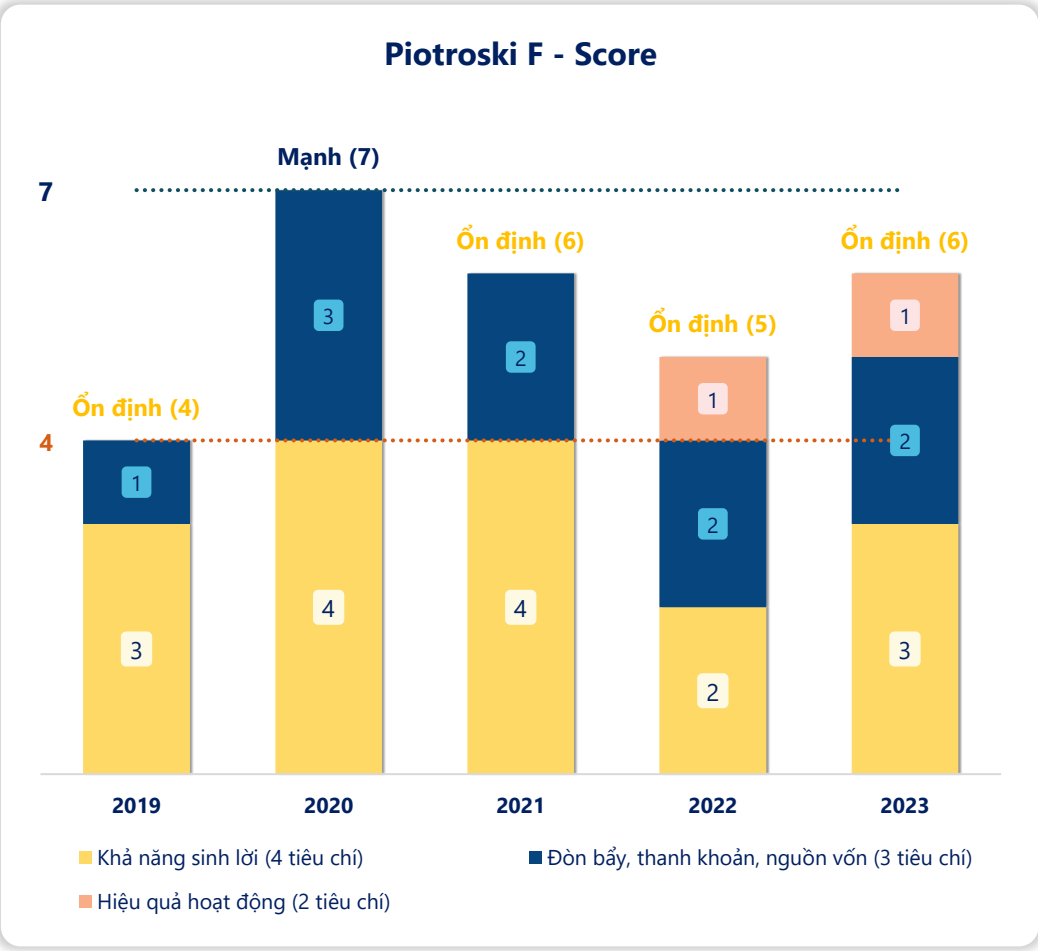
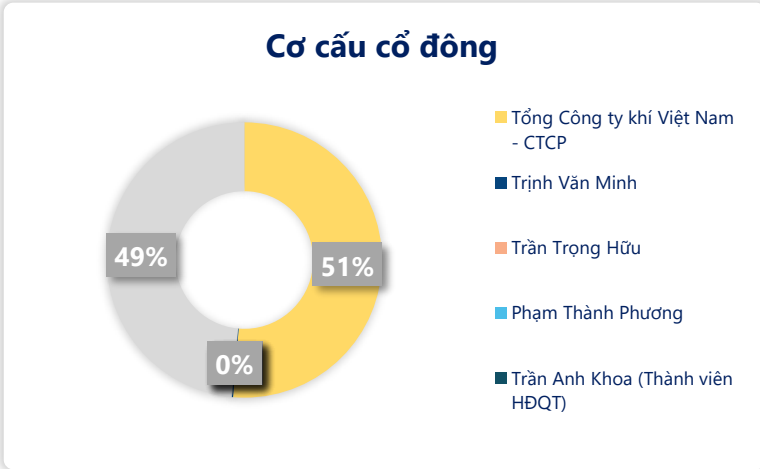
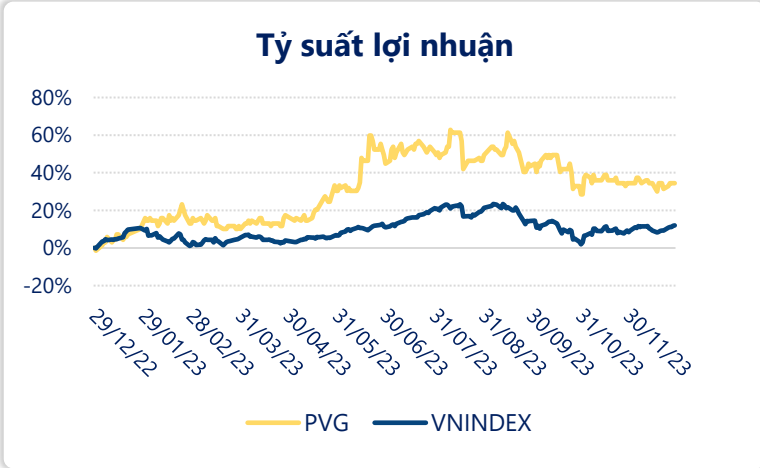
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	9,000 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-6.3%	-9.1%

Sức mạnh tài chính	2023
Piotroski F - Score	6/9
2023	(Ổn định)

DT thuần	2023
4,382	YoY ▼ 219 ▼ 4.8%
tỷ VNĐ	

LN sau thuế	2023
1.09	YoY ▼ 15.2 ▼ 93.3%
tỷ VNĐ	

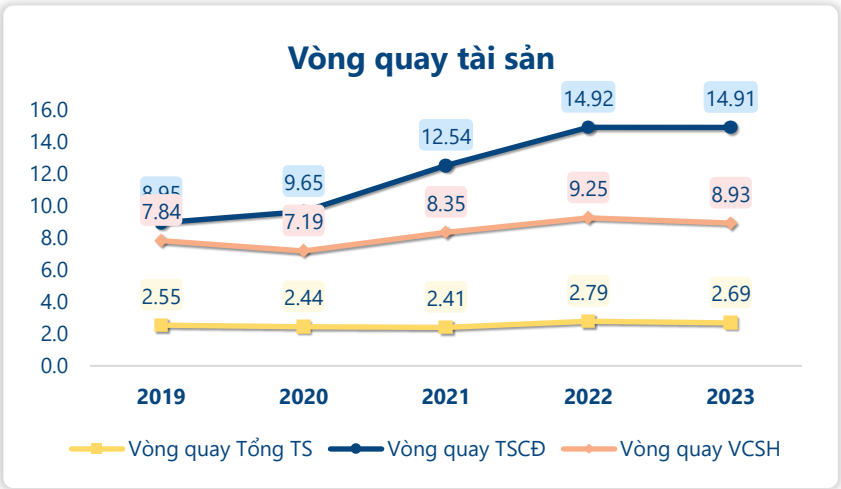
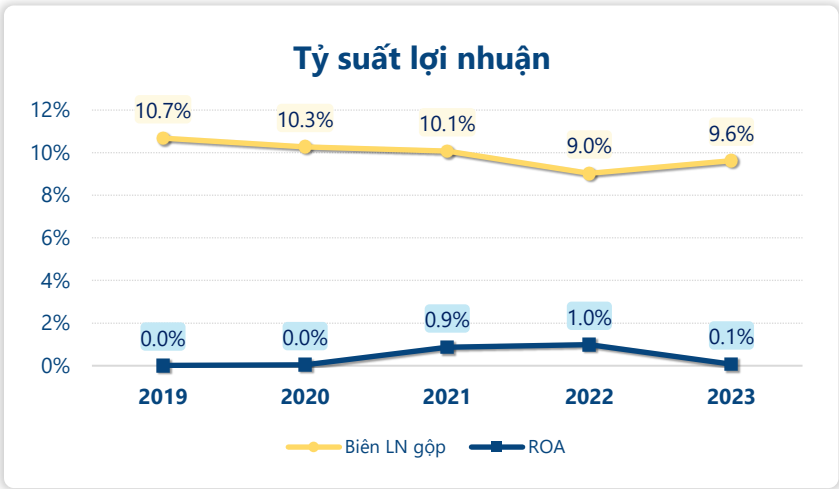
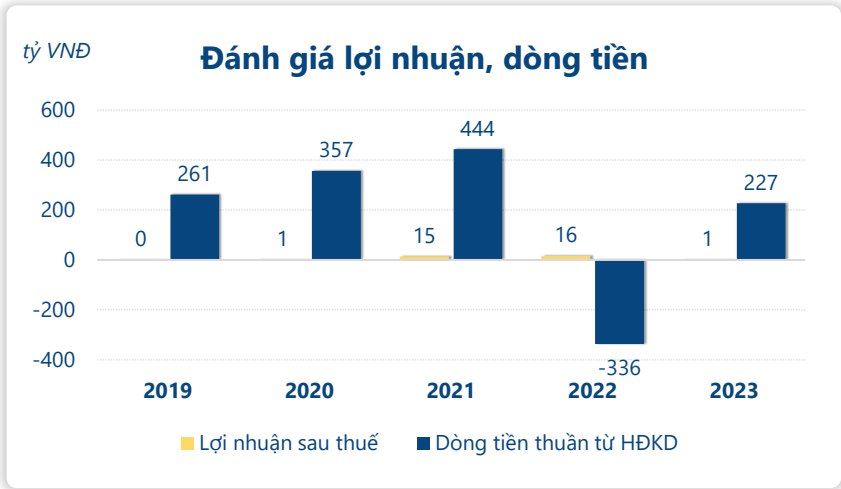


Năm 2023, F-Score của PVG đạt 6/9 cao hơn năm trước nhưng sức khỏe tài chính vẫn thuộc vùng "ổn định".

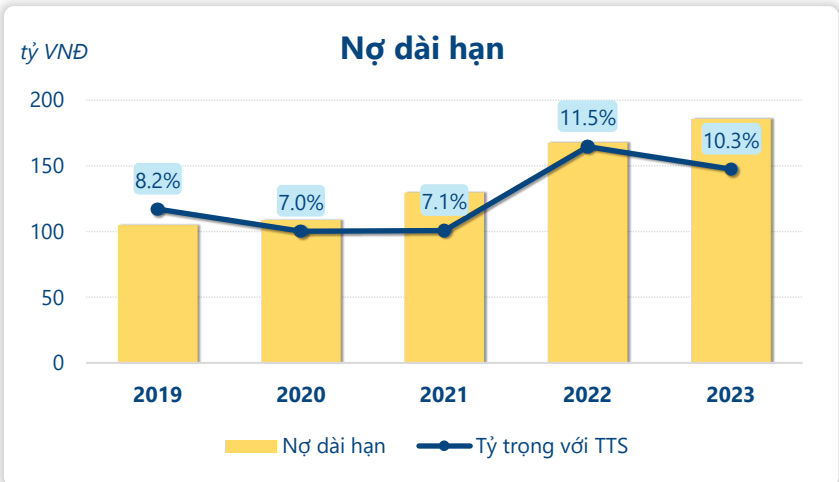
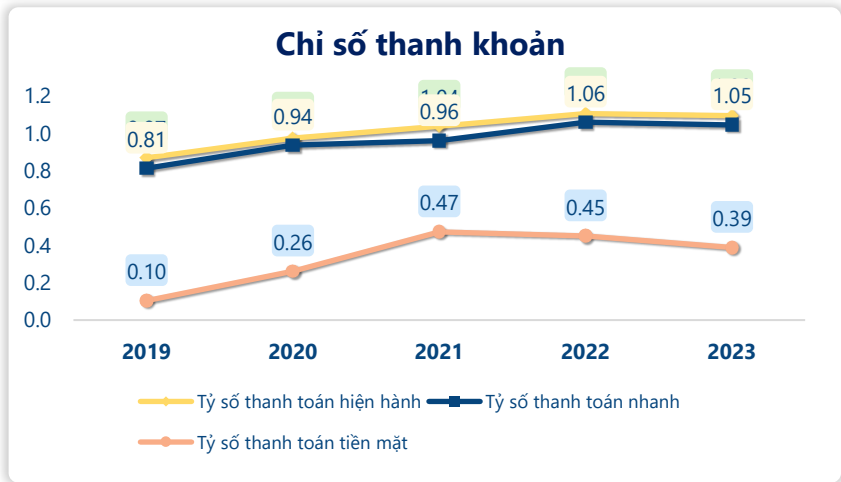
Trong đó, khả năng sinh lời được cải thiện tăng lên 3/4 điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn không thay đổi vẫn ở mức 2/3 điểm. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt điểm 1/2 ở mức ổn định so với năm trước.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

CTCP Kinh doanh LPG Việt Nam (HNX: PVG)



Xét các tiêu chí thành phần của F-Score năm 2023 của PVG: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh lớn hơn lợi nhuận sau thuế và 2 chỉ tiêu này đều dương là một tín hiệu tích cực cho thấy công ty có chất lượng lợi nhuận tốt và duy trì hoạt động kinh doanh một cách bền vững. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	1,783	1,457	22.4%
Tài sản ngắn hạn	1,230	874	40.8%
Tiền và tương đương tiền	608	356	70.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	42.2	52.1	-19.0%
Phải thu ngắn hạn	465	351	32.6%
Hàng tồn kho	46.1	36.2	27.5%
Tài sản ngắn hạn khác	69.2	78.7	-12.0%
Tài sản dài hạn	553	583	-5.1%
Phải thu dài hạn	1.66	3.22	-48.3%
Tài sản cố định	271	311	-12.9%
Bất động sản đầu tư	20.2	21.0	-4.1%
Tài sản dở dang	2.66	0.01	51942%
Đầu tư tài chính dài hạn	10.0	10.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	248	237	4.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,300	958	35.6%
Nợ ngắn hạn	1,098	790	39.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1,075	754	42.5%
Nợ dài hạn	201	168	19.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	32.1	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	483	499	-3.0%
Vốn chủ sở hữu	483	499	-3.0%
Vốn điều lệ	365	365	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	3,480	3,458	4,079	4,601	4,382
Giá vốn hàng bán	3,109	3,103	3,668	4,186	3,960
Lợi nhuận gộp	372	355	411	416	422
Doanh thu HĐTC	3.90	7.28	18.1	25.4	27.6
Chi phí TC	21.6	4.00	0.11	0.01	1.86
Chi phí lãi vay	18.5	2.07	0.02	0.01	1.85
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	309	314	351	372	382
Chi phí QLDN	43.6	49.8	59.4	49.6	64.7
LN thuần từ HĐKD	1.44	-5.37	18.3	19.1	1.15
Lợi nhuận khác	-1.24	6.41	0.31	1.55	0.17
LN trước thuế	0.21	1.04	18.6	20.6	1.32
Lợi nhuận sau thuế	0.21	0.51	14.6	16.3	1.09
LNST của CĐ cty mẹ	0.21	0.51	14.6	16.3	1.09

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	261	357	444	-336	227
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.06	-108	-72.4	130	-165
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-224	-68.7	-50.1	-10.6	21.4
Tiền đầu kỳ	33.9	72.6	252	574	356
Lưu chuyển tiền thuần	38.7	180	321	-217	83.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.01	-0.01	0	0.03
Tiền cuối kỳ	72.6	252	574	356	440